

QUYẾT ĐỊNH

Về việc thông qua phương án đơn giản hóa thủ tục hành chính lĩnh vực
Lưu thông hàng hóa trong nước thuộc thẩm quyền giải quyết
của Sở Công Thương tỉnh Sóc Trăng

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Thực hiện Kế hoạch số 03/KH-UBND ngày 04/01/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh về rà soát, đánh giá thủ tục hành chính năm 2024 trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Công Thương tỉnh Sóc Trăng.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thông qua phương án đơn giản hóa 03 thủ tục hành chính lĩnh vực Lưu thông hàng hóa trong nước thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Công Thương tỉnh Sóc Trăng (đính kèm phương án).

Điều 2. Giao Sở Công Thương dự thảo văn bản thực thi phương án đơn giản hóa thủ tục hành chính sau khi được Bộ Công Thương xem xét, xử lý kết quả rà soát đối với các thủ tục hành chính nêu trên.

Điều 3. Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh có trách nhiệm kiểm tra, đôn đốc các sở, ngành, đơn vị có liên quan thực hiện Quyết định này.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 5. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Công Thương, tỉnh Sóc Trăng và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- Văn phòng Chính phủ (để báo cáo);
- Bộ Công Thương (xem xét, xử lý);
- Trung tâm PVHCC;
- Lưu VT.

amb



Lâm Hoàng Nghiệp



**PHƯƠNG ÁN ĐƠN GIẢN HÓA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH LĨNH VỰC
LƯU THÔNG HÀNG HÓA TRONG NƯỚC THUỘC THẨM QUYỀN
GIẢI QUYẾT CỦA SỞ CÔNG THƯƠNG TỈNH SÓC TRĂNG**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 1970/QĐ-UBND ngày 27 / 8 / 2024
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng)*

01. Thủ tục: Cấp Giấy phép sản xuất rượu công nghiệp (quy mô dưới 3 triệu lít/năm)

1.1. Nội dung đơn giản hóa

a) *Về thành phần hồ sơ:* Đề xuất bỏ thành phần hồ sơ “bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương”.

* *Lý do:* Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đã được cập nhật và công khai trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp, cơ quan giải quyết thủ tục hành chính có thể tra cứu các thông tin về doanh nghiệp thông qua sổ chứng nhận đăng ký được ghi trong đơn đề nghị cấp phép; qua đó, phục vụ hiệu quả việc khai thác cơ sở dữ liệu đã được kết nối, chia sẻ, tạo thuận lợi cho cá nhân, doanh nghiệp.

b) *Yêu cầu, điều kiện:* Đề xuất bỏ yêu cầu, điều kiện, cụ thể “bảo đảm các điều kiện về an toàn thực phẩm theo quy định”.

* *Lý do:* Trước khi doanh nghiệp thực hiện thủ tục cấp giấy phép sản xuất rượu, doanh nghiệp phải có giấy chứng nhận đủ điều kiện về an toàn thực phẩm (phải thực hiện thủ tục đề nghị cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm tại Sở Công Thương) và trong thành phần hồ sơ yêu cầu nộp bản sao Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm, do đó, doanh nghiệp đã đảm bảo điều kiện này, việc yêu cầu, điều kiện không cần thiết và gây rườm rà cho doanh nghiệp khi thực hiện thủ tục.

1.2. Kiến nghị thực thi

Sửa đổi khoản 3 Điều 8 và khoản 2 Điều 19 Nghị định số 105/2017/NĐ-CP ngày 14/9/2017 của Chính phủ về kinh doanh rượu.

1.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ thủ tục hành chính trước khi đơn giản hóa: 27.947.940 đồng/năm;

- Chi phí tuân thủ thủ tục hành chính sau khi đơn giản hóa: 27.806.920 đồng/năm;

- Chi phí tiết kiệm được: 141.020 đồng/năm;

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 1,0%.

02. Thủ tục: Cấp lại Giấy phép sản xuất rượu công nghiệp (quy mô dưới 3 triệu lít/năm)

2.1. Nội dung đơn giản hóa

a) *Về thành phần hồ sơ:* Đề xuất bỏ thành phần hồ sơ “bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương” đối với trường hợp cấp lại do hết thời hạn hiệu lực.

* *Lý do:* Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đã được cập nhật và công khai trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp, cơ quan giải quyết thủ tục hành chính có thể tra cứu các thông tin về doanh nghiệp thông qua sổ chứng nhận đăng ký được ghi trong đơn đề nghị cấp phép; qua đó, phục vụ hiệu quả việc khai thác cơ sở dữ liệu đã được kết nối, chia sẻ, tạo thuận lợi cho cá nhân, doanh nghiệp.

b) *Yêu cầu, điều kiện:* Đề xuất bỏ yêu cầu, điều kiện, cụ thể “bảo đảm các điều kiện về an toàn thực phẩm theo quy định”.

* *Lý do:* Trước khi doanh nghiệp thực hiện thủ tục cấp giấy phép sản xuất rượu, doanh nghiệp phải có giấy chứng nhận đủ điều kiện về an toàn thực phẩm (phải thực hiện thủ tục đề nghị cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm tại Sở Công Thương) và trong thành phần hồ sơ yêu cầu nộp bản sao Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm, do đó, doanh nghiệp đã đảm bảo điều kiện này, việc yêu cầu, điều kiện không cần thiết và gây rườm rà cho doanh nghiệp khi thực hiện thủ tục.

c) *Quy định về mức phí:* Đề nghị quy định cụ thể mức phí đối với trường hợp cấp lại Giấy phép sản xuất rượu công nghiệp (quy mô dưới 3 triệu lít/năm) do hết thời hạn hiệu lực và do bị mất hoặc hư hỏng.

* *Lý do:* Thông tư số 299/2016/TT-BTC ngày 15/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định điều kiện kinh doanh để cấp Giấy phép sản xuất rượu, Giấy phép sản xuất thuốc lá, trong đó chỉ quy định mức phí thẩm định chung trong trường hợp cấp lại: 2.200.000 đồng/lần thẩm định/hồ sơ, chưa có quy định rõ mức phí thẩm định cụ thể đối với trường hợp cấp lại do hết thời hạn hiệu lực và cấp lại do giấy phép bị mất hoặc hỏng. Trường hợp cấp lại do giấy phép bị mất hoặc hỏng, hồ sơ thẩm định đơn giản, đề xuất không thu phí đối với trường hợp này.

2.2. Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi khoản 3 Điều 8 và khoản 2 Điều 19 Nghị định số 105/2017/NĐ-CP ngày 14/9/2017 của Chính phủ về kinh doanh rượu.

- Sửa đổi Mục I Biểu mức thu phí kèm theo Thông tư số 299/2016/TT-BTC ngày 15/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định điều kiện kinh doanh để cấp Giấy phép sản xuất rượu, Giấy phép sản xuất thuốc lá.

2.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ thủ tục hành chính trước khi đơn giản hóa: 27.947.940 đồng/năm;
- Chi phí tuân thủ thủ tục hành chính sau khi đơn giản hóa: 27.806.920 đồng/năm;
- Chi phí tiết kiệm được: 141.020 đồng/năm;
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 1,0%.

03. Thủ tục: Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép sản xuất rượu công nghiệp (quy mô dưới 3 triệu lít/năm)

3.1. Nội dung đơn giản hóa

- **Yêu cầu, điều kiện:** Đề xuất bỏ yêu cầu, điều kiện, cụ thể “bảo đảm các điều kiện về an toàn thực phẩm theo quy định”.

* **Lý do:** Trước khi doanh nghiệp thực hiện thủ tục cấp giấy phép sản xuất rượu, doanh nghiệp phải có giấy chứng nhận đủ điều kiện về an toàn thực phẩm (phải thực hiện thủ tục đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm tại Sở Công Thương) và điều kiện này đã được chứng minh trong hồ sơ cấp mới Giấy phép sản xuất rượu, do đó, đối với thủ tục cấp sửa đổi, bổ sung không cần thiết yêu cầu, điều kiện này.

3.2. Kiến nghị thực thi

Sửa đổi khoản 3 Điều 8 Nghị định số 105/2017/NĐ-CP ngày 14/9/2017 của Chính phủ về kinh doanh rượu.
